

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DS-ST

Ngày 24/05/2024

*“Tranh chấp hợp đồng mua bán
thức ăn chăn nuôi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thu Hà và bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan - Thư ký TAND TP. Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hải Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) thành phố Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2023/TLST-DS ngày 24/11/2023 về “tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXX-ST ngày 02/04/2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án Dân sự sơ thẩm ngày 25/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐ-ST ngày 02/05/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Kiên C**, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị V, sinh năm 1987 và anh Lê Văn Th, sinh năm 1983; Điều trú tại: Thôn P, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (chị V có mặt, anh Th vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị Lan A**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Lan A: Ông **Nguyễn Kiên C**- Nguyên đơn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc với Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Kiên C:* Ông C và vợ là bà Nguyễn Thị Lan A và vợ chồng anh Lê Văn Th, chị Lê Thị V không có quan hệ họ hàng mà được người quen giới thiệu nên vợ chồng ông là người bán cám cho vợ chồng anh Th, chị V để nuôi cá lồng từ tháng 9/2019. Việc mua bán, hai bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau.

Cụ thể ông C là người làm việc trực tiếp với anh Th (chị V và bà Lan A được thông báo lại). Nội dung: Vợ chồng ông C cung cấp cám cho vợ chồng anh Th chị V thời gian từ ngày 24/9/2019, mỗi lần cần lượng cám bao nhiêu anh Th trực tiếp gọi điện thông báo sau đó vợ chồng ông cho lái xe giao hàng, sau đó anh Th ký vào sổ nhận hàng. Thanh toán tiền vào thời gian ngay sau khi vợ chồng anh Th chị V lên ao cá, tuy nhiên trong thời gian chưa lên ao cá thì anh Th cũng trả một phần tiền. Hai bên có thỏa thuận về lãi, mức lãi suất là 1%/tháng theo số tiền còn nợ và tổng tiền nợ không quá 500.000.000 đồng, số tiền lãi hàng tháng vợ chồng ông đều chốt vào sổ và anh Th đã ký nhận, thời gian chậm trả không quá ba tháng kể từ khi nhận hàng (chậm nhất là khi lên cá của lứa nuôi đó). Đến ngày 17/11/2020, số tiền vợ chồng anh Th chị V nợ là 660.630.000 đồng. Sau đó 1 ngày thì vợ chồng anh Th lên ao cá và có gọi điện vợ chồng ông sang nhà để thanh toán tiền, nhưng chị V không muốn trả và muốn vợ chồng ông đầu tư tiếp thì mới thanh toán số tiền chốt đến ngày 17/11/2020. Do số tiền vợ chồng anh Th nợ vợ chồng ông tương đối lớn nên vợ chồng ông không đồng ý, chỉ khi nào vợ chồng anh Th chị V thanh toán số tiền cám nợ cũ thì mới đầu tư tiếp. Về phần anh Th thì đồng ý với quan điểm trên nhưng chị V không đồng ý và không thanh toán tiền và không lấy cám chỗ ông nữa. Do vợ chồng ông nhiều lần đòi tiền thì chị V trực tiếp trả số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 21/12/2020, Số tiền còn nợ lại là 510.630.000 đồng (chị V trực tiếp ghi và ký vào sổ giao cám).

Đến nay, Đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng anh Th chị V phải thanh toán cho vợ chồng ông tổng số tiền là 658.593.000 đồng trong đó số tiền gốc còn nợ là 510.630.000 đồng, tiền lãi chậm trả từ ngày 21/12/2020 - 24/05/2024 (tổng 1248 ngày x với lãi suất 10%/năm x 510.630.000 đồng = 174.593.000 đồng (làm tròn). Ngoài ra vợ chồng anh Th chị V phải có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi thanh toán hết số tiền gốc.

2. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị V trình bày:

Chị xác định vợ chồng chị (chị và anh Lê Văn Th) có mua cám nuôi cá lồng của vợ chồng ông Nguyễn Kiên C và bà Nguyễn Thị Lan A. Anh Th là người trực tiếp làm việc với ông C. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng và cũng không có người làm chứng. Tuy nhiên, hai bên thống nhất: Vợ chồng ông C sẽ đầu tư cung cấp cám đến khi nào thu hoạch xong cá (thời gian là khoảng 18-22 tháng) sẽ thanh toán toàn bộ số tiền cho vợ chồng ông C. Mỗi lần giao nhận cám thì anh Th hoặc chị là người sẽ ký nhận vào sổ của ông C. Số tiền cám vợ chồng chị còn nợ đến ngày 17/11/2020 là 660.630.000 đồng. Tuy nhiên, không hiểu vì lý do gì mà đến tháng 11/2020 ông C đến nhà và thông báo với vợ chồng chị là sẽ dừng việc cung cấp cám đồng thời cũng yêu cầu vợ chồng chị thanh toán trả vợ chồng ông C. Đến ngày 21/12/2020 chị trực tiếp trả số tiền 150.000.000 đồng, số tiền vợ chồng chị còn nợ vợ chồng ông C là 510.630.000 đồng. Do chưa đến đợt thu hoạch cá nên vợ chồng chị không có tiền để thanh toán trả cho vợ chồng ông C. Tuy nhiên việc nuôi cá lồng của

vợ chồng chị không thành công khiến cho kinh tế khó khăn, anh Th phải đi làm xa để có tiền trả cho vợ chồng ông C.

Nay ông C Đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng chị phải thanh toán cho vợ chồng ông C tổng số tiền là 672.320.000 đồng trong đó số tiền gốc còn nợ là 510.630.000 đồng, tiền lãi là 174.593.000 đồng (tính đến ngày 24/05/2024); Ngoài ra vợ chồng chị phải có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi thanh toán hết số tiền gốc; Chị có quan điểm như sau: Chị đồng ý với số tiền gốc, còn số tiền lãi chị không đồng ý vì hai bên không thỏa thuận về nội dung này và trong số tiền gốc 510.630.000 đồng ông C đã tính lãi.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Lan A nhất trí với yêu cầu, quan điểm khởi kiện của nguyên đơn.

4. Đối với anh Lê Văn Th, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh Th không có quan điểm gửi cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, bị đơn anh Thuận chấp hành chưa đúng theo quy định của BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Th, chị V phải trả cho vợ chồng ông C và bà Lan A nợ gốc 510.630.000 đồng và 174.593.000 đồng, tổng nợ là 658.223.000 đồng. Anh Th, chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi trong giao dịch dân sự mua bán thức ăn chăn nuôi. Bị đơn đang cư trú ở Thôn P, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS).

Anh Th vắng mặt lần thứ hai nhưng đã được tổng đạt hợp lệ vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ mua thức ăn chăn nuôi cá. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất bị đơn còn nợ số tiền mua cám là 510.630.000 đồng và đã quá thời hạn trả nợ kể từ ngày

21/12/2020. Đây là tình tiết, sự kiện các đương sự đã thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Xét thấy, giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi cá giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Các đương sự đều xác nhận quá trình thực hiện hợp đồng, bên bán đã giao hàng đúng thời hạn, địa điểm, đảm bảo về số lượng và chất lượng nhưng bên mua chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Theo thỏa thuận, từ ngày 24/09/2019 đến 21/12/2020 anh Th chị V nhiều lần mua cá của ông C bà Lan A, anh Th chị V đã nhiều lần thanh toán cho ông C, ngày 21/12/2020 chị V ký còn nợ lại số tiền là 510.630.000 đồng chưa thanh toán cho vợ chồng ông Cường. Vì vậy anh Th chị V đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự. Chị V xin trả nợ dần nhưng ông C không đồng ý. Do đó, cần buộc anh Th, chị V phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ cho vợ chồng ông C là 510.630.000 đồng.

[2.3]. Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Ông C yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 21/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24.05.2024) trên số tiền mà anh Th, chị V còn nợ, với lãi suất là 10%/năm, cụ thể: 510.630.000 đồng x 1248 ngày x 10%/năm = 174.593.000 đồng. Xét, yêu cầu này của nguyên đơn thì thấy anh Th, chị V là bên mua không thanh toán tiền theo thời hạn thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả cho bên bán. Căn cứ khoản 3 Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự, cần buộc anh Th, chị V trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất như nguyên đơn yêu cầu.

Việc chị V cho rằng anh Th chồng chị không trao đổi với chị về việc thỏa thuận lãi và chị cho rằng trong số tiền gốc 510.630.000 đồng là ông C đã tính lãi trong đó. Tuy nhiên căn cứ vào tài liệu ông C cung cấp cho Tòa án thể hiện giữa ông và anh Th có thỏa thuận lãi và chốt đến ngày 21/12/2020 còn nợ lại 510.630.000 đồng, chị V thừa nhận các chữ ký trong tài liệu ông C nộp cho Tòa án là chữ ký chữ viết của anh Th. Vì vậy việc chị V trình bày là không có căn cứ.

[2.4]. Từ những phân tích tại đoạn [2.1], [2.2] và [2.3], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Th, chị V phải có trách nhiệm trả cho ông C và bà Lan A số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 510.630.000 đồng, tiền lãi 174.593.000 đồng, tổng nợ là 685.223.000 đồng.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự, được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kiên C.

Buộc anh Lê Văn Th và chị Lê Thị V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Kiên C và bà Nguyễn Thị Lan A số tiền gốc 510.630.000 đồng, tiền lãi 174.593.000 đồng, tổng nợ là 658.223.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí:

Anh Lê Văn Th và chị Lê Thị V phải nộp 30.328.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Kiên C số tiền tạm ứng án phí là 14.765.000 đồng (*Mười bốn triệu, bảy trăm sáu mươi năm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002758 ngày 21/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện

